

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 304/2005/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên.

Điều 2. Mục tiêu:

1. Tạo điều kiện ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên, trong đó tập trung ưu tiên giải quyết cho đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2002 và số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là các Quyết định số 132 và 134) về việc giải quyết đất ở,

đất sản xuất cho đồng bào dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên và một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

2. Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng ở các tỉnh Tây Nguyên một cách bền vững. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xã hội hoá nghề rừng để rừng và đất rừng phải có chủ thực sự.

Điều 3. Nguyên tắc chỉ đạo:

1. Giao rừng, khoán bảo vệ rừng phải đảm bảo yêu cầu tạo điều kiện ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, trước hết là các hộ thuộc đối tượng của các Quyết định số 132 và 134 ở các tỉnh Tây Nguyên; các khu rừng được giao, được khoán bảo vệ phải bảo đảm ổn định và phát triển.

2. Việc giao rừng, khoán bảo vệ rừng phải được bàn bạc dân chủ, tôn trọng phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc và thủ tục phải đơn giản, phù hợp với thực tế của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

3. Lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn, gắn với việc giao rừng, khoán bảo vệ rừng để sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ trong các chương trình của nhà nước.

Điều 4. Đối tượng và hạn mức giao rừng, khoán bảo vệ rừng:

1. Đối tượng rừng được giao và khoán bảo vệ:

a) Rừng được khoán bảo vệ: Là các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và các khu rừng tự nhiên là rừng sản xuất có trữ lượng giàu, trung bình nhưng đang đóng cửa. Các loại rừng này được ngân sách nhà nước đầu tư khoán bảo vệ.

b) Rừng được giao là rừng sản xuất, bao gồm :

- Rừng tự nhiên đang được quy hoạch là rừng sản xuất và các loại rừng sau khi quy hoạch lại được chuyển thành rừng sản xuất, nhưng không thuộc loại rừng được khoán bảo vệ nêu trên.

- Diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch để trồng rừng sản xuất.

- Rừng sản xuất do lâm trường, công ty quản lý được sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

- Rừng thiêng, rừng nghĩa trang, rừng phòng hộ bảo vệ mỏ nước của buôn, làng... do Ủy ban nhân dân xã hoặc cộng đồng dân cư đang quản lý sử dụng.

2. Đối tượng được giao rừng và khoán bảo vệ rừng:

a) Những hộ đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại xã có rừng, có nhu cầu được giao rừng và khoán bảo vệ rừng; trước hết ưu tiên đồng bào là người dân tộc thiểu số nghèo tại chỗ thuộc các đối tượng quy định tại các Quyết định số 132 và 134 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Các cộng đồng dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số sống trong buôn, làng có cùng phong tục tập quán, truyền thống và có nhu cầu được giao rừng, khoán bảo vệ rừng.

3. Hạn mức giao rừng và khoán bảo vệ rừng:

a) Giao rừng: Căn cứ vào quỹ rừng, quỹ đất quy hoạch là rừng sản xuất của xã, số lượng hộ gia đình (thuộc đối tượng của các Quyết định số 132 và số 134) và cộng đồng dân cư trong xã có nguyện vọng được giao rừng, Ủy ban nhân dân xã lập phương án giao rừng, bảo đảm diện tích rừng giao cho một hộ gia đình không quá 30 ha (theo Luật Đất đai năm 2003); nếu có đất nông nghiệp trong khu vực rừng được giao thì diện tích rừng giao bình quân không quá 25 ha một hộ; diện tích rừng giao cho cộng đồng tùy theo quỹ rừng và nhu cầu được giao rừng của từng cộng đồng.

b) Khoán bảo vệ rừng: Căn cứ quỹ rừng thuộc địa bàn của xã (rừng đặc dụng; rừng phòng hộ; rừng tự nhiên là rừng sản xuất có trữ lượng giàu, trung bình nhưng đang đóng cửa và rừng sản xuất thuộc các lâm trường, nông trường quốc doanh quản lý), số lượng hộ gia đình (thuộc đối tượng của các Quyết định số 132 và số 134) và cộng đồng có nhu cầu nhận khoán bảo vệ rừng; các chủ rừng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân xã lập phương án và triển khai khoán bảo vệ rừng cho các bên nhận khoán. Diện tích rừng khoán cho hộ gia đình không thấp hơn mức bình quân chung toàn quốc từ 15 - 20 ha/hộ; diện tích rừng khoán cho cộng đồng tùy theo quỹ rừng và nhu cầu nhận khoán của cộng đồng.

Điều 5. Quyền lợi của người được giao rừng và đất trồng rừng sản xuất: